TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:27/2020/DS-ST Ngày: 03-8-2020. V/v Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phiêu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 585/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp dân sự Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 và và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hà Thanh H, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hà Thanh H là: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1963;

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2019.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1962;

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

Nguyên đơn anh H ủy quyền cho bà N có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử,

Nguyên đơn anh Hà Thanh H ủy quyền cho bà Lê Thị N trình bày: Vào năm 2018 anh H và ông V có thỏa thuận với nhau về việc ông V sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H, không có làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, giữa anh H và ông V có làm tờ bán đất và biên nhận giao tiền, nhưng đến nay ông V không chuyển nhượng QSD đất cho anh H.

Tờ bán đất ngày 11/12/2018 (al) do ông V viết tại nhà của bà N thuộc ấp Tân Thạnh, xã Tân Long, anh H và ông V cùng ký tên, cùng với sự chứng kiến của ông Trần Văn An (cháu của ông V), ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Việt H3. Nội dung Tờ bán đất như sau: "*Tôi tên Nguyễn Thanh V, sinh năm 1962, ngụ ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Nay tôi có bán cho anh Hà Thanh H, sinh năm: 1984- Nguyên quán Tân Long, huyện Thanh Bình, ĐT. Số đất:... Số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba chục triệu chẳng). Nếu ai sai sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật Nhà nước.* Sau khi ký tên vào tờ bán đất xong, anh H giao cho ông V số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) để nhận chuyển nhượng đất, cùng thời điểm làm tờ bán đất. Biên nhận có nội dung sau: "*Tôi tên Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1962, ngụ ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tôi có nhận tiền từ ông Hà Thanh H, sinh năm: 1984, cư ngụ ấp Tân Thạnh, xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền là: Một trăm ba chục triệu chẳn, lý do: tôi chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích là….cho ông Hà Thanh H*".

Căn cứ Tờ bán đất và biên nhận tiền thì không có nêu thửa đất, diện tích đất, do ai đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, nhưng giữa anh H và ông V có thỏa thuận miệng là ông V sẽ chuyển nhượng cho anh H diện tích đất là 1.500m^2 đất rẫy, tọa lạc xã Tân Huề, giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp ngân hàng nên sau khi nhận tiền chuyển nhượng đất của anh H, ông V trả tiền ngân hàng và lấy giấy chứng nhận về làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh H.

Sau khi nhận đủ số tiền 130.000.000đ của anh H thì ông V có giao đất cho anh H canh tác, sử dụng, anh H có trồng 150 cây mít thái trên phần đất của ông V giao. Khoảng 01 tháng sau anh H yêu cầu ông V làm hợp đồng chuyển nhượng đất, nhưng ông V không làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh H.

Thời gian sau anh H phát hiện đất ông V giao cho anh H trồng mít không phải đất của ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà là do ông Nguyễn Hữu T (em vợ ông V) là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H có gặp ông V hỏi việc ông V giao đất cho anh H lại do anh T đứng tên thì ông V đề nghị giao phần đất khác cho anh H, nhưng anh H không đồng ý, yêu cầu ông V trả tiền lại, nhưng đến nay ông V không giao đất khác và cũng

không trả tiền lại cho anh H. Hiện nay, ông T đã bồi thường tiền trồng mít cho anh H với số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), anh H đã trả lại đất cho ông T. Ngoài ra ông V còn mượn thêm của anh H số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), nhưng không làm biên nhận để trả nợ ngân hàng.

Nay anh H yêu cầu Tòa án tuyên bố Tờ bán đất ngày 11/12/2018(al) giữa anh H và ông V vô hiệu, yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thanh V trả lại số tiền đã nhận để chuyển nhượng đất là 130.000.000đ và trả lại số tiền mượn là 14.000.000đ, tổng cộng là 144.000.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*). Phần đất nhận chuyển nhượng của ông V đã giao trả lại cho ông T canh tác và sử dụng, ông T đã giao trả lại tiền trồng mít với số tiền 10.000.000đ. Không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định đo đạc và định giá tài sản để tính giá trị chênh lệch tài sản, để bồi thường thiệt hại cho anh H, do anh H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Căn cứ Đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 anh H có yêu cầu ông V trả lại số tiền mượn là 14.000.000đ, do khi cho ông V mượn tiền không có làm giấy tờ biên nhận, ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh ông V nợ số tiền 14.000.000đ, nên xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền mượn còn nợ là 14.000.0000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh H cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông V về việc yêu cầu khởi kiện của anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông T là em vợ của ông V, nguồn gốc đất ông V thỏa thuận chuyển nhượng cho anh H là của ông Nguyễn Văn T1 (cha ông T) để lại và ông T đang đứng tên giấy chứng nhận QSD đất không nhớ số thửa. Việc ông V thỏa thuận chuyển nhượng đất nêu trên cho anh H, ông T có biết và anh H đã trồng 150 cây mít trên đất, nên ông T đã thỏa thuận với anh H bồi thường lại 150 cây mít đã trồng với giá là 10.000.000đ, ông T đã bồi thường xong cho anh H và anh H đã giao đất lại cho ông T sử dụng.

Do trước đây ông Nguyễn Minh C (là em ruột ông T) được ông T1 cho phần đất diện tích 1.100m^2(là phần đất ông V thỏa thuận chuyển nhượng cho anh H, nhưng do ông T đứng tên GCNQSD đất), sau đó ông C chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thanh T2 (vợ của ông V đã chết). Tuy nhiên khi làm hợp đồng chuyển nhượng đất thì ông Thêm lại chuyển nhượng cho bà T2, ông V diện tích 2.500m^2(là phần đất ông T1 cho ông T) và ông T1 chuyển nhượng cho ông T diện tích 1.100m^2 (phần đất ông T1 cho ông C, ông C chuyển nhượng lại cho bà T2, ông V), do có sự nhầm lẫn trong việc chuyển nhượng đất nêu trên, đến nay ông V và ông T chưa chuyển quyền sử dụng trả lại cho nhau.

Nay ông T không có ý kiến hay yêu cầu đối với ông V và anh H, do anh H đã giao trả đất lại cho ông T và ông T là người đứng tên GCNQSD đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H ủy quyền cho bà N trình bày: Căn cứ Tờ bán đất ngày 11/12/2018(al) và biên nhận nhận tiền chuyển nhượng đất, ông V đã nhận đủ số tiền 130.000.000đ để chuyển nhượng QSD đất cho anh H, nhưng hiện nay ông V không có đất để chuyển nhượng. Nay yêu cầu Tòa án tuyên bố Tờ mua bán đất ngày 11/12/2018(al) vô hiệu, yêu cầu ông V trả lại số tiền đã nhận là 130.000.000đ, không yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền nợ là 14.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt theo thông báo của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLDS, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 100, 166 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 126, Điều 131 Bộ luật dân sự tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông V và anh H vô hiệu. Buộc ông V trả lại cho anh H số tiền 130.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông V hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông V vắng mặt không có lý do lần thứ 2, Hội đồng xét xử xét thấy ông V đã được triệu tập, tống đạt hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông V vẫn vắng mặt, không có lý do, đã chứng minh được ông V cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ Tờ mua bán đất ngày 11/12/2018 (al) anh H yêu cầu tuyên bố Tờ mua bán đất ngày 11/12/2018 vô hiệu, yêu cầu ông V trả lại 130.000.000đ và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, do ông V không có đất để chuyển nhượng cho anh H. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết vào năm 2018, đến năm 2020 mới phát sinh tranh chấp, nên áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết.

[3] Về nội dung.

[3.1.] Đối với Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất.

Căn cứ Tờ mua bán đất ngày 11/12/2018(al) việc ông V thỏa thuận chuyển nhượng QSD đất cho anh H là có thật, tuy nhiên chỉ làm giấy tờ viết tay, không có làm hợp đồng chuyển nhượng, không được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ biên nhận nhận tiền chuyển nhượng đất ông V đã nhận của anh H số tiền là 130.000.000đ, có sự chứng kiến của ông A, ông H1, ông H2, nhưng không làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật, với lý do người đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là ông Nguyễn Hữu T. Tại phiên tòa bà N là người nhận ủy quyền của anh H yêu cầu tuyên bố tờ bán đất ngày 11/12/21018 nêu trên vô hiệu, yêu cầu ông V trả lại số tiền đã nhận là 130.000.000đ, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, rút lại yêu cầu ông V trả lại số tiền 14.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh H là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 166 Luật đất đai quy định về quyền của người sử dụng đất "*1. Được cấp giấy chứng nhận QSD đất.*.", ông V giao đất cho anh H quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, nên ông V chưa có đủ điều kiện để chuyển nhượng QSD đất theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013 "G*iấy chứng nhận QSD đất, đất không có tranh chấp…*"

Căn cứ lời trình bày của ông T, việc ông T được đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là do có sự nhầm lẫn trong quá trình chuyển nhượng đất trước đây giữa ông T1 cho ông T và giữa ông T1 cho bà T2, ông V. Vì vậy việc chuyển nhượng đất giữa ông V và anh H do có sự nhầm lẫn nêu trên nên không thể chuyển nhượng QSD đất. Căn cứ quy định tại Điều 126 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Do đó anh H có quyền yêu cầu giao dịch chuyển nhượng QSD đất giữa anh H và ông V vô hiệu, giao dịch vô hiệu thì khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả

cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường, theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H tuyên bố Tờ bán đất ngày 11/12/2018 giữa anh H và ông V vô hiệu, buộc ông V có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền đã nhận là 130.000.000đ.

Anh H đã trả lại đất cho người chủ sử dụng đất là ông T, anh H không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không yêu cầu Tòa án thẩm định, đo đạc, định giá đất tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3.] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền mượn là 14.000.000đ, căn cứ đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của anh H ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là bà N thống nhất tự nguyện rút lại yêu cầu buộc ông V trả lại số tiền mượn là 14.000.000đ. Việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu và việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền mượn nêu trên, được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.4.] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T không có ý kiến hay yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất vô hiệu và 6.500.000đ (*Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu trả lại số tiền 130.000.000đ của anh H được chấp nhận. Tổng cộng là 6.800.000đ (*Sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Hà Thanh H, không phải chịu án phí hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 126, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Tuyên bố Tờ mua bán đất lập ngày 11/12/2018 (AL) giữa anh Hà Thanh H với ông Nguyễn Thanh V vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Thanh V có trách nhiệm trả cho anh Hà Thanh H số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền nợ là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V phải chịu là 6.800.000đ (*Sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Hà Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự anh H đã nộp là 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số BH/2018-0008166 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lý Thị Bích Thơ